

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023
Bậc đào tạo: Chuyên khoa cấp II hệ tập trung khóa 35 (2021-2023)

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
1	1	03210245	Đặng Thùy Anh	Nữ	21/11/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.25	
2	2	03210266	Nguyễn Đức Hạnh	Nữ	10/11/1977	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
3	3	03210268	Bùi Văn Hậu	Nam	06/10/1975	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	
4	4	03210250	Nguyễn Tô Hoài	Nam	26/01/1980	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	
5	5	03210375	Ngô Vĩnh Hoài	Nam	23/12/1986	Chẩn đoán hình ảnh	6.58	
6	6	03210378	Ngô Lê Lâm	Nam	28/09/1979	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
7	7	03210318	Lê Xuân Thiệp	Nam	30/09/1983	Chẩn đoán hình ảnh	7.08	
8	8	03210009	Lê Minh Trường	Nam	17/02/1981	Chẩn đoán hình ảnh	6.75	
9	9	03210035	Phạm Thị Thanh Xuân	Nữ	16/09/1986	Chẩn đoán hình ảnh	6.17	
10	1	03210179	Trần Thị Vân Anh	Nữ	04/02/1986	Da liễu	9.08	
11	2	03210392	Nguyễn Tiến Bảo	Nam	02/07/1971	Da liễu	7.42	
12	3	03210353	Vũ Thị Phương Dung	Nữ	09/08/1980	Da liễu	7.83	
13	4	03210066	Vũ Thị Hiền	Nữ	10/10/1977	Da liễu	6.42	
14	5	03210108	Bùi Thị Hằng Hoa	Nữ	29/05/1983	Da liễu	6.92	
15	6	03210155	Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền	Nữ	05/09/1989	Da liễu	7.50	
16	7	03210195	Nguyễn Minh Thu	Nữ	25/11/1985	Da liễu	8.67	
17	8	03210325	Trương Thị Huyền Trang	Nữ	14/11/1986	Da liễu	8.58	
18	9	03210204	Thân Trọng Tùy	Nam	12/01/1986	Da liễu	7.92	
19	10	03210040	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	17/09/1984	Da liễu	8.25	
20	1	03210367	Nguyễn Thị Thùy Ninh	Nữ	13/09/1986	Dị ứng	8.75	
21	1	03210134	Nguyễn Đình Chiến	Nam	03/08/1980	Gây mê hồi sức	6.42	
22	2	03210339	Dương Quang Chiến	Nam	15/08/1984	Gây mê hồi sức	6.17	
23	3	03210167	Nguyễn Thanh Hải	Nam	25/09/1976	Gây mê hồi sức	5.92	
24	4	03210073	Nguyễn Thị Hải	Nữ	07/03/1982	Gây mê hồi sức	7.17	
25	5	03210111	Đỗ Ngọc Hiếu	Nam	28/04/1983	Gây mê hồi sức	6.58	
26	6	03210333	Liễu Trọng Khởi	Nam	06/08/1981	Gây mê hồi sức	6.33	
27	7	03210016	Nguyễn Đức Phương	Nam	10/03/1978	Gây mê hồi sức	6.25	
28	8	03210061	Trịnh Đức Toàn	Nam	17/11/1983	Gây mê hồi sức	6.83	
29	1	03210157	Nguyễn Văn Hùng	Nam	17/12/1986	Giải phẫu bệnh	7.58	
30	1	03210026	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	02/07/1989	Hóa sinh Y học	6.58	
31	2	03210160	Nguyễn Văn Thường	Nam	10/10/1981	Hóa sinh Y học	7.00	
32	1	03210336	Nguyễn Duy Chính	Nam	21/05/1982	Hồi sức cấp cứu	7.00	
33	2	03210047	Nguyễn Bá Cường	Nam	24/07/1990	Hồi sức cấp cứu	7.58	
34	3	03210021	Trần Văn Đồng	Nam	18/02/1980	Hồi sức cấp cứu	6.92	
35	4	03210357	Nghiêm Thị Phương Hồng	Nữ	28/08/1987	Hồi sức cấp cứu	8.17	
36	5	03210175	Bùi Thị Lan Phương	Nữ	04/02/1986	Hồi sức cấp cứu	7.25	
37	6	03210166	Nguyễn Ngọc Thái	Nam	13/07/1983	Hồi sức cấp cứu	7.50	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
38	7	03210352	Nguyễn Văn Thục	Nam	06/12/1985	Hồi sức cấp cứu	8.00	
39	8	03210092	Vương Xuân Trung	Nam	08/10/1990	Hồi sức cấp cứu	8.25	
40	1	03210126	Bùi Thu Hương	Nữ	02/09/1986	Huyết học - Truyền máu	7.75	
41	2	03210359	Tổng Thị Hương	Nữ	30/08/1982	Huyết học - Truyền máu	7.00	
42	3	03210269	Lưu Thị Thu Hương	Nữ	10/04/1985	Huyết học - Truyền máu	7.33	
43	4	03210267	Nguyễn Mạnh Linh	Nam	25/09/1983	Huyết học - Truyền máu	7.33	
44	5	03210185	Phan Thị Phượng	Nữ	31/05/1986	Huyết học - Truyền máu	7.67	
45	6	03210326	Nguyễn Thị Minh Thiện	Nữ	01/12/1980	Huyết học - Truyền máu	6.17	
46	7	03210228	Trần Thu Thủy	Nữ	05/04/1983	Huyết học - Truyền máu	7.33	
47	8	03210145	Lưu Thị Tổ Uyên	Nữ	11/09/1982	Huyết học - Truyền máu	6.75	
48	9	03200158	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/11/1986	Huyết học - Truyền máu	7.58	
49	1	03210057	Nguyễn Minh Anh	Nam	12/11/1986	Chấn thương chỉnh hình	6.83	
50	2	03210129	Trần Tuấn Anh	Nam	29/09/1983	Chấn thương chỉnh hình	7.50	
51	3	03210355	Chu Thanh Bình	Nam	17/01/1977	Chấn thương chỉnh hình	6.25	
52	4	03210329	Nguyễn Minh Đức	Nam	04/04/1984	Chấn thương chỉnh hình	6.92	
53	5	03210206	Nguyễn Đức Hoàng	Nam	26/10/1987	Chấn thương chỉnh hình	6.33	
54	6	03210309	Nguyễn Hữu Nam	Nam	20/06/1982	Chấn thương chỉnh hình	6.25	
55	7	03210265	Nguyễn Trọng Quỳnh	Nam	10/11/1982	Chấn thương chỉnh hình	7.67	
56	8	03210221	Nguyễn Duy Sơn	Nam	01/08/1987	Chấn thương chỉnh hình	6.42	
57	9	03210048	Nguyễn Trọng Tài	Nam	05/11/1982	Chấn thương chỉnh hình	6.17	
58	10	03210273	Nguyễn Văn Thắng	Nam	06/06/1983	Chấn thương chỉnh hình	5.58	
59	11	03210117	Nguyễn Hoàng Thanh	Nam	23/09/1986	Chấn thương chỉnh hình	7.00	
60	12	03210376	Nguyễn Văn Việt	Nam	21/09/1988	Chấn thương chỉnh hình	7.92	
61	1	03210020	Nguyễn Việt Cường	Nam	06/05/1985	Ngoại - Nhi	7.42	
62	2	03210327	Trần Văn Quyết	Nam	06/03/1982	Ngoại - Nhi	7.58	
63	1	03210238	Bùi Văn Dương	Nam	22/12/1985	Ngoại - Thần kinh & s	6.25	
64	2	03210118	Nguyễn Thanh Hoài	Nam	16/07/1984	Ngoại - Thần kinh & s	7.50	
65	1	03210323	Vương Ngọc Biên	Nam	10/04/1979	Ngoại - Tiết niệu	7.75	
66	2	03210075	Mã Hồng Cầu	Nam	04/04/1980	Ngoại - Tiết niệu	6.25	
67	3	03210351	Nguyễn Văn Cừ	Nam	05/01/1976	Ngoại - Tiết niệu	6.25	
68	4	03210133	Hạ Hồng Cường	Nam	12/04/1986	Ngoại - Tiết niệu	7.00	
69	5	03210184	Trần Ân Giang	Nam	20/03/1980	Ngoại - Tiết niệu	6.83	
70	6	03210312	Nguyễn Công Hiếu	Nam	21/06/1979	Ngoại - Tiết niệu	6.67	
71	7	03210403	Nguyễn Trần Thành	Nam	14/08/1983	Ngoại - Tiết niệu	6.92	
72	8	03210219	Trần Xuân Thủy	Nam	22/06/1975	Ngoại - Tiết niệu	7.92	
73	9	03210056	Vũ Đức Tuấn	Nam	22/01/1991	Ngoại - Tiết niệu	7.67	
74	10	03210264	Lê Văn Tuấn	Nam	22/11/1979	Ngoại - Tiết niệu	6.50	
75	11	03210411	Khamhou BOUNPHAMALA	Nam	20/01/1985	Ngoại - Tiết niệu	3.67	
76	1	03210115	Nguyễn Trọng Đức	Nam	16/07/1979	Ngoại - Tiêu hóa	6.58	
77	2	03210396	Đinh Thanh Giáo	Nam	02/12/1984	Ngoại - Tiêu hóa	6.58	
78	3	03210397	Phạm Sỹ Hiếu	Nam	19/08/1977	Ngoại - Tiêu hóa	7.00	
79	4	03210063	Phạm Trung Hiếu	Nam	05/02/1985	Ngoại - Tiêu hóa	5.50	
80	5	03210379	Nguyễn Chiến Quyết	Nam	18/12/1989	Ngoại - Tiêu hóa	7.25	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
81	6	03210409	Saisamone THAMMAVONE	Nam	25/03/1985	Ngoại - Tiêu hóa	5.17	
82	7	03210410	Yengthao NORKAO	Nam	16/02/1988	Ngoại - Tiêu hóa	3.67	
83	1	03210346	Nguyễn Đăng Hùng	Nam	20/02/1982	Ngoại - Tim mạch	7.17	
84	1	03210320	Lưu Thị Quỳnh Anh	Nữ	06/07/1981	Nhãn khoa	6.50	
85	2	03210218	Trần Văn Hà	Nam	01/09/1981	Nhãn khoa	7.50	
86	3	03210408	Phùng Thị Thúy Hằng	Nữ	29/11/1979	Nhãn khoa	6.92	
87	4	03210387	Phạm Thị Hằng	Nữ	05/10/1981	Nhãn khoa	5.25	
88	5	03210168	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	04/07/1977	Nhãn khoa	6.75	
89	6	03210354	Bùi Việt Hưng	Nam	26/05/1985	Nhãn khoa	7.50	
90	7	03210391	Bùi Cẩm Hương	Nữ	30/05/1981	Nhãn khoa	7.00	
91	8	03210317	Đỗ Hữu Khương	Nam	12/08/1982	Nhãn khoa	7.33	
92	9	03210347	Đỗ Tuyết Nhung	Nữ	22/10/1982	Nhãn khoa	6.25	
93	10	03210119	Hoàng Hoa Quỳnh	Nữ	08/09/1981	Nhãn khoa	7.83	
94	11	03210291	Ngô Thị Hồng Thắm	Nữ	23/01/1982	Nhãn khoa	8.33	
95	12	03210299	Trần Huyền Trang	Nữ	05/08/1984	Nhãn khoa	7.75	
96	13	03210159	Nguyễn Thu Uyên	Nữ	28/05/1983	Nhãn khoa	6.92	
97	1	03210008	Đặng Thái Bình	Nữ	19/01/1980	Nhi - Hô hấp	7.17	
98	2	03210337	Vũ Thị Như Luyến	Nữ	10/12/1983	Nhi - Hô hấp	8.00	
99	3	03210340	Nguyễn Thị Mai	Nữ	06/11/1984	Nhi - Hô hấp	7.33	
100	4	03210151	Nguyễn Thị Thu Nga	Nữ	19/07/1985	Nhi - Hô hấp	7.00	
101	5	03210181	Nguyễn Thị Thanh Phúc	Nữ	16/11/1984	Nhi - Hô hấp	7.83	
102	6	03210028	Ngô Thị Huyền Trang	Nữ	17/11/1989	Nhi - Hô hấp	7.58	
103	1	03210172	Ngô Tiến Đông	Nam	12/01/1985	Nhi - Hô hấp	7.50	
104	2	03210365	Doãn Phúc Hải	Nam	14/06/1986	Nhi - Hô hấp	7.08	
105	3	03210302	Phạm Công Khắc	Nam	02/05/1983	Nhi - Hô hấp	6.58	
106	4	03210171	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	21/10/1982	Nhi - Hô hấp	6.42	
107	1	03210412	Khamkhanxay MANGNOMEK	Nam	15/06/1993	Nhi - Sơ sinh	4.67	
108	2	03210345	Nguyễn Thị Vân	Nữ	29/09/1989	Nhi - Sơ sinh	8.50	
109	1	03210105	Lê Ngọc Anh	Nữ	13/02/1980	Nhi - Thần kinh	6.92	
110	1	03210198	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	15/03/1980	Nhi - Thần kinh	7.92	
111	1	03210031	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	07/01/1982	Nhi - Tim mạch	7.17	
112	2	03210188	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	18/09/1979	Nhi - Tiêu hóa	6.67	
113	3	03210251	Vũ Hữu Thời	Nam	04/01/1982	Nhi - Tiêu hóa	6.17	
114	1	03210036	Phạm Thị Hoài Thu	Nữ	18/12/1978	Nhi - Truyền nhiễm	7.08	
115	2	03210215	Ngô Thị Thu Tuyền	Nữ	20/11/1982	Nhi - Truyền nhiễm	7.25	
116	1	03210194	Phạm Thị Hoài Giang	Nữ	25/03/1982	Lão khoa	7.17	
117	2	03210088	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01/01/1978	Lão khoa	6.58	
118	3	03210110	Đỗ Thị Thu Hằng	Nữ	05/08/1985	Lão khoa	7.67	
119	4	03210054	Đào Thị Nhâm	Nữ	05/09/1984	Lão khoa	7.67	
120	5	03210019	Nguyễn Trung Thái	Nam	12/12/1984	Lão khoa	6.58	
121	6	03210232	Lương Thị Thanh	Nữ	10/06/1980	Lão khoa	6.42	
122	7	03210249	Vũ Thu Thủy	Nữ	19/09/1984	Lão khoa	7.50	
123	1	03210344	Lê Thị Ba	Nữ	07/09/1986	Nội hô hấp	8.92	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
124	2	03210121	Nguyễn Duy Duẩn	Nam	30/07/1981	Nội hô hấp	7.83	
125	3	03210158	Hà Mạnh Hùng	Nam	29/12/1983	Nội hô hấp	8.33	
126	4	03210130	Nguyễn Thị Quý	Nữ	06/09/1983	Nội hô hấp	8.92	
127	1	03210062	Trần Tuấn Anh	Nam	18/01/1977	Nội thận - Tiết niệu	5.67	
128	2	03210279	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/06/1981	Nội thận - Tiết niệu	6.33	
129	3	03210360	Đồng Thế Uy	Nam	10/06/1987	Nội thận - Tiết niệu	7.08	
130	4	03210072	Phạm Thúy Vân	Nữ	26/10/1987	Nội thận - Tiết niệu	5.33	
131	1	03210051	Lê Thị Vân Anh	Nữ	16/08/1979	Nội - Nội tiết	7.75	
132	2	03210043	Vũ Thị Ánh	Nữ	01/03/1983	Nội - Nội tiết	7.75	
133	3	03210231	Tạ Thùy Linh	Nữ	23/03/1984	Nội - Nội tiết	7.92	
134	4	03210039	Trần Thị Hải Yến	Nữ	01/03/1983	Nội - Nội tiết	8.58	
135	5	03200207	Lê Thanh Huyền	Nữ	11/08/1988	Nội - Nội tiết	8.17	
136	1	03210177	Nguyễn Đức Anh	Nam	03/11/1987	Nội tiêu hoá	5.67	
137	2	03210192	Trần Thị Mai Cúc	Nữ	18/12/1982	Nội tiêu hoá	6.75	
138	3	03210297	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	30/04/1979	Nội tiêu hoá	6.50	
139	4	03210252	Hoàng Thúy Nga	Nữ	19/12/1992	Nội tiêu hoá	7.42	
140	5	03210050	Nguyễn Thị Phương	Nữ	26/08/1985	Nội tiêu hoá	7.75	
141	6	03210174	Hoàng Cẩm Tú	Nữ	02/03/1987	Nội tiêu hoá	7.08	
142	1	03210207	Phạm Ngọc Dương	Nam	12/03/1991	Nội xương khớp	8.75	
143	2	03210070	Lê Thị Hải Hà	Nữ	31/12/1977	Nội xương khớp	8.92	
144	3	03210165	Đỗ Minh Phương	Nữ	01/12/1984	Nội xương khớp	8.25	
145	4	03210413	Ly Rina	Nữ	12/07/1986	Nội xương khớp	5.00	
146	5	03210013	Phùng Đức Tâm	Nam	17/09/1989	Nội xương khớp	9.75	
147	6	03210191	Trần Ngọc Tùng	Nam	04/12/1983	Nội xương khớp	8.50	
148	1	03210242	Cao Việt Cường	Nam	28/09/1982	Nội Tim mạch	7.67	
149	2	03210290	Nguyễn Văn Dân	Nam	12/10/1986	Nội Tim mạch	7.75	
150	3	03210067	Lê Duy Đạo	Nam	12/02/1977	Nội Tim mạch	7.42	
151	4	03210233	Tô Văn Đạt	Nam	20/12/1986	Nội Tim mạch	7.67	
152	5	03210093	Nguyễn Minh Đức	Nam	04/04/1984	Nội Tim mạch	7.33	
153	6	03210256	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	17/03/1979	Nội Tim mạch	7.83	
154	7	03210086	Đặng Minh Hải	Nam	26/02/1985	Nội Tim mạch	7.83	
155	8	03210006	Văn Đức Hạnh	Nam	04/10/1982	Nội Tim mạch	7.58	
156	9	03210381	Đỗ Thu Hiền	Nữ	29/09/1981	Nội Tim mạch	7.08	
157	10	03210087	Phạm Thị Mai Hương	Nữ	01/07/1978	Nội Tim mạch	7.75	
158	11	03210104	Lê Thúy Ngọc	Nữ	03/07/1978	Nội Tim mạch	8.33	
159	12	03210277	Nguyễn Đức Nhung	Nam	09/10/1985	Nội Tim mạch	8.33	
160	13	03210045	Nguyễn Anh Quân	Nam	27/01/1985	Nội Tim mạch	8.08	
161	14	03210272	Đào Hồng Quân	Nam	22/08/1986	Nội Tim mạch	8.00	
162	15	03210154	Hoàng Minh Quang	Nam	03/10/1979	Nội Tim mạch	7.50	
163	16	03210212	Trần Văn Quý	Nam	16/11/1983	Nội Tim mạch	7.75	
164	17	03210161	Trần Đình Sỹ	Nam	29/02/1984	Nội Tim mạch	6.17	
165	18	03210079	Nguyễn Thị Thân	Nữ	04/04/1980	Nội Tim mạch	7.67	
166	19	03210306	Nguyễn Văn Thành	Nam	08/09/1982	Nội Tim mạch	6.83	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
167	20	03210373	Tạ Xuân Trường	Nam	13/02/1983	Nội Tim mạch	8.00	
168	1	03210098	Lâm Thùy Mai	Nam	11/08/1984	Phục hồi chức năng	7.17	
169	2	03210014	Bùi Thị Bích Ngọc	Nữ	14/06/1979	Phục hồi chức năng	6.17	
170	3	03210143	Ngô Thị Hồng Vân	Nữ	23/10/1984	Phục hồi chức năng	5.58	
171	1	03210102	Lê Bá Anh Đức	Nam	12/09/1987	Răng - Hàm - Mặt	6.58	
172	2	03210254	Nguyễn Chí Hiếu	Nam	07/11/1977	Răng - Hàm - Mặt	5.75	
173	3	03210180	Phương Thị Trang	Nữ	01/12/1984	Răng - Hàm - Mặt	5.83	
174	1	03210097	Cao Tuấn Anh	Nam	29/12/1987	Sản phụ khoa	6.92	
175	2	03210029	Nguyễn Thế Anh	Nam	06/11/1982	Sản phụ khoa	6.92	
176	3	03210140	Mai Thị Anh	Nữ	02/05/1980	Sản phụ khoa	6.33	
177	4	03210095	Ngô Thị Bằng	Nữ	21/03/1986	Sản phụ khoa	7.17	
178	5	03210085	Nguyễn Thị Chung	Nữ	12/10/1982	Sản phụ khoa	7.50	
179	6	03210060	Lê Việt Cường	Nam	23/12/1982	Sản phụ khoa	6.92	
180	7	03210282	Trịnh Công Doanh	Nam	15/12/1983	Sản phụ khoa	6.92	
181	8	03210372	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	07/11/1987	Sản phụ khoa	7.75	
182	9	03210209	Nghiêm Văn Dũng	Nam	08/10/1986	Sản phụ khoa	6.75	
183	10	03210156	Lê Sỹ Dũng	Nam	22/12/1993	Sản phụ khoa	7.75	
184	11	03210295	Nguyễn Xuân Dương	Nam	09/07/1986	Sản phụ khoa	7.00	
185	12	03210176	Cao Văn Giang	Nam	31/08/1986	Sản phụ khoa	7.08	
186	13	03210384	Tạ Thị Thúy Hằng	Nữ	31/01/1982	Sản phụ khoa	6.92	
187	14	03210244	Phan Thị Thu Hằng	Nữ	13/10/1985	Sản phụ khoa	6.08	
188	15	03210076	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	11/08/1986	Sản phụ khoa	7.33	
189	16	03210399	Phùng Văn Huệ	Nam	06/05/1979	Sản phụ khoa	5.50	
190	17	03210148	Nguyễn Trọng Hùng	Nam	06/08/1989	Sản phụ khoa	7.00	
191	18	03210322	Đinh Thị Ngọc Lan	Nữ	19/09/1984	Sản phụ khoa	7.25	
192	19	03210082	Dương Thị Loan	Nữ	08/05/1985	Sản phụ khoa	6.92	
193	20	03210382	Đặng Tiến Long	Nam	26/07/1989	Sản phụ khoa	6.75	
194	21	03210342	Nguyễn Thị Minh	Nữ	16/09/1977	Sản phụ khoa	7.25	
195	22	03210146	Đinh Huệ Quyên	Nữ	03/02/1991	Sản phụ khoa	8.25	
196	23	03210324	Phạm Quyết Thắng	Nam	09/06/1985	Sản phụ khoa	7.17	
197	24	03210037	Cù Chiến Thắng	Nam	19/05/1990	Sản phụ khoa	7.50	
198	25	03210010	Lê Thị Phương Thanh	Nữ	08/12/1989	Sản phụ khoa	7.92	
199	26	03210147	Bạch Thị Hà Thu	Nữ	28/07/1984	Sản phụ khoa	7.25	
200	27	03210022	Lê Ngọc Trung	Nam	07/03/1979	Sản phụ khoa	6.75	
201	28	03210038	Như Thuỳ Vân	Nữ	22/09/1984	Sản phụ khoa	7.17	
202	29	03210025	Hoàng Nữ Phú Xuân	Nữ	04/06/1983	Sản phụ khoa	6.92	
203	30	03210033	Nguyễn Văn Xuyên	Nam	09/02/1990	Sản phụ khoa	7.75	
204	1	03210205	Hoàng Thị Hoà Bình	Nữ	12/12/1983	Tai - Mũi- Họng	9.17	
205	2	03210052	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	18/11/1984	Tai - Mũi- Họng	8.17	
206	3	03210371	Nguyễn Song Hào	Nam	17/11/1974	Tai - Mũi- Họng	7.08	
207	4	03210314	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20/03/1983	Tai - Mũi- Họng	8.92	
208	5	03210065	Nguyễn Văn Ninh	Nam	13/12/1982	Tai - Mũi- Họng	8.00	
209	6	03210338	Lê Văn Thành	Nam	17/05/1984	Tai - Mũi- Họng	8.58	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
210	7	03210004	Từ Thị Minh Thu	Nữ	04/06/1979	Tai - Mũi- Họng	8.50	
211	8	03210053	Nguyễn Văn Trường	Nam	25/08/1980	Tai - Mũi- Họng	7.83	
212	9	03210276	Phạm Văn Tuấn	Nam	10/11/1981	Tai - Mũi- Họng	7.83	
213	10	03210193	Phùng Quang Tuấn	Nam	22/12/1979	Tai - Mũi- Họng	7.50	
214	11	03210406	Trịnh Thị Vân	Nữ	01/03/1981	Tai - Mũi- Họng	7.17	
215	1	03210239	Lê Văn Cường	Nam	04/08/1970	Tâm thần	6.08	
216	2	03210199	Nông Đức Dũng	Nam	07/07/1983	Tâm thần	7.33	
217	3	03210262	Vũ Văn Hoài	Nam	06/12/1993	Tâm thần	8.67	
218	4	03210241	Hoàng Phương	Nữ	01/02/1979	Tâm thần	8.58	
219	5	03210213	Phạm Thế Văn	Nam	07/12/1993	Tâm thần	8.08	
220	6	03200244	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	27/08/1990	Tâm thần	8.50	
221	1	03210150	Chu Bá Chung	Nam	25/12/1990	Thần kinh	8.17	
222	2	03210253	Đỗ Thị Hà	Nữ	22/01/1992	Thần kinh	7.42	
223	3	03210260	Đào Thị Thu Huyền	Nữ	07/05/1991	Thần kinh	8.17	
224	4	03210211	Nguyễn Thị Bích Lệ	Nữ	02/11/1990	Thần kinh	8.33	
225	5	03210162	Phan Tiến Lộc	Nam	29/03/1992	Thần kinh	8.42	
226	6	03210229	Đinh Thị Lợi	Nữ	02/12/1983	Thần kinh	8.50	
227	7	03210363	Nguyễn Thị Mai	Nữ	03/10/1986	Thần kinh	8.08	
228	1	03210131	Dương Quốc Bảo	Nam	04/09/1985	Truyền nhiễm & CBN	7.42	
229	2	03210005	Phạm Công Đức	Nam	19/02/1982	Truyền nhiễm & CBN	7.75	
230	3	03210149	Nguyễn Văn Duyệt	Nam	22/07/1984	Truyền nhiễm & CBN	7.92	
231	4	03210064	Trần Minh Quân	Nam	11/01/1980	Truyền nhiễm & CBN	8.08	
232	5	03210235	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	18/01/1983	Truyền nhiễm & CBN	6.92	
233	1	03210236	Nguyễn Thanh Dương	Nam	21/12/1984	Ung thư	6.55	
234	2	03210271	Đặng Tiến Giang	Nam	28/12/1986	Ung thư	7.90	
235	3	03210395	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	16/02/1983	Ung thư	5.88	
236	4	03210153	Đỗ Thị Hựu	Nữ	16/11/1983	Ung thư	7.06	
237	5	03210002	Nguyễn Đức Hưng	Nam	27/03/1986	Ung thư	6.22	
238	6	03210081	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	16/07/1979	Ung thư	6.81	
239	7	03210024	Nguyễn Văn Khoa	Nam	10/06/1978	Ung thư	5.80	
240	8	03210356	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	17/11/1989	Ung thư	7.82	
241	9	03210280	Nguyễn Đức Long	Nam	10/12/1983	Ung thư	7.98	
242	10	03210316	Nguyễn Thành Nam	Nam	24/06/1983	Ung thư	6.05	
243	11	03210142	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	24/06/1985	Ung thư	5.55	
244	12	03210321	Đào Thị Oanh	Nữ	21/03/1981	Ung thư	6.47	
245	13	03210186	Nguyễn Xuân Quý	Nam	06/06/1983	Ung thư	6.81	
246	14	03210136	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	24/09/1987	Ung thư	7.98	
247	15	03210281	Thân Văn Thịnh	Nam	21/03/1983	Ung thư	6.89	
248	16	03210100	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23/08/1984	Ung thư	6.55	
249	1	03210394	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	09/07/1984	Vì sinh y học	8.08	
250	1	03210127	Đào Thị Minh Châu	Nữ	06/01/1983	Y học cổ truyền	8.00	
251	2	03210349	Đinh Văn Dũng	Nam	21/12/1984	Y học cổ truyền	8.25	
252	3	03210210	Vũ Viết Dương	Nam	21/06/1985	Y học cổ truyền	6.33	

TT	TT CN	Số báo danh	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
253	4	03210015	Nguyễn Thị Thương Huyền	Nữ	31/01/1982	Y học cổ truyền	7.42	
254	5	03210049	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	04/04/1985	Y học cổ truyền	8.17	
255	6	03210227	Triệu Thị Thùy Linh	Nữ	20/11/1987	Y học cổ truyền	7.33	
256	1	03210377	Nguyễn Tấn Lực	Nam	30/12/1986	Y học hạt nhân	6.67	
257	2	03210197	Chu Văn Tuynh	Nam	30/09/1971	Y học hạt nhân	4.58	

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP SĐH


Nguyễn Hữu Tú